

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CỜ ĐỎ  
T PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 25 - 11 - 2021

*V/v “Tranh chấp về việc nam, nữ chung  
sống với nhau như vợ chồng mà không  
đăng ký kết hôn”.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ**

**Với T phần Hội đồng xét xử gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quốc Kiệt.*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Thanh Vũ;
2. Bà Nguyễn Thị Huệ.

*Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ.*

Trong ngày 25 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, T phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 134/2021/TLVA-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2021 về việc: “*Tranh chấp về việc nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 222/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1984.

Địa chỉ: 408 Tổ 12, ấp T1, xã T, huyện C, TP. C (Có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1963.

Địa chỉ: 408 Tổ 12, ấp T1, xã T, huyện C, TP. C (Có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị K trình bày: Bà Nguyễn Thị K và ông Nguyễn Ngọc H qua thời gian tìm hiểu đã tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, không có tổ chức đám cưới vào năm 2005, cả hai không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu, chung sống hạnh phúc, nhưng khoảng 03 năm nay,

cả hai thường xuyên cãi nhau, mặc dù đã cố gắng hàn gắn tình cảm nH không đạt được kết quả, cả hai người không còn chung sống với nhau như vợ chồng cách nay khoảng 05 tháng. Do thấy, không hạnh phúc, nên bà K có yêu cầu Toà án tuyên bố bà và ông H không phải là vợ chồng.

Về con chung: Bà K và ông H có 01 con chung là Nguyễn Ngọc T (nam), sinh ngày 01/6//2006, bà K đồng ý giao con chung cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng T.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, ông Nguyễn Ngọc H trình bày: Ông H thống nhất với lời trình bày của bà K về quá trình cả hai chung sống với nhau như vợ chồng, vấn đề con chung, tài sản chung và nợ chung. Ông H thống nhất đề nghị Toà án tuyên bố giữa ông và bà K không phải là vợ chồng. Về con chung, ông H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Ngọc T (nam), sinh ngày 01/6//2006 đến tuổi trưởng T, ông H không yêu cầu bà K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về quan hệ pháp luật mà các bên tranh chấp: Bà Nguyễn Thị K và ông Nguyễn Ngọc H tự nguyện tiến tới hôn nhân chung sống với nhau như vợ chồng, nH không có đăng ký kết hôn. Nay các đương sự phát sinh tranh chấp, bà K yêu cầu Toà án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà K và ông H, nên xác định mối quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là “Tranh chấp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng nH không đăng ký kết hôn”, quan hệ tranh chấp này thuộc sự điều chỉnh của Luật Hôn nhân và Gia đình. Do bị đơn Nguyễn Ngọc H có nơi cư trú tại huyện Cờ Đỏ, T phố Cần Thơ nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ theo Điều 28; khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị K và ông Nguyễn Ngọc H đã tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2005, bà K và ông H không tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định, cả hai không còn chung sống với nhau như vợ chồng cách nay khoảng 05 tháng, nên xác định mối quan hệ hôn

nhân giữa bà K và ông H là không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014. Quá trình chung sống, giữa bà K và ông H phát sinh mâu thuẫn, nay bà K và ông H đều thống nhất yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng đối với họ. Do đó, có cơ sở tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà K và ông H.

[3] Về vấn đề con chung: Ông H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Ngọc T (nam), sinh ngày 01/6//2006 đến tuổi trưởng T, không yêu cầu bà K cấp dưỡng nuôi con. Bà K cũng thống nhất giao con chung cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng, bản thân cháu T cũng có nguyện vọng được sinh sống cùng với ông H. Do đó, có cơ sở giao cháu T cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng T. Ông H không yêu cầu bà K cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện của đương sự, nên ghi nhận.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bà K không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích mọi mặt của của chung, các đương sự có quyền yêu cầu cấp dưỡng và thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Ghi nhận lời khai của các đương sự là không có, nếu sau này phát sinh tranh chấp và có đơn khởi kiện thì giải quyết T vụ án khác

[6] Về án phí: Bà K phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Các Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Điều 273, Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng: Các Điều 14; Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014;

Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị K với ông Nguyễn Ngọc H

- Về con chung: Ông H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Ngọc T (nam), sinh ngày 01/6//2006 đến tuổi trưởng T. Ông H không yêu cầu bà K cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bà K không ai được quyền ngăn cản.

Bà K không được quyền lạm dụng quyền thăm con để gây ảnh hưởng đến việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của ông H, nếu có thì ông H có quyền yêu cầu hạn chế việc thăm con của bà K.

Vì lợi ích mọi mặt của của chung, các đương sự có quyền yêu cầu cấp dưỡng và thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ghi nhận lời khai của các đương sự là không có, nếu sau này có phát sinh tranh chấp và có đơn khởi kiện thì giải quyết T vụ án khác.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị K chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chuyển số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà K đã nộp theo biên lai số 0009059 ngày 14/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cờ Đỏ, T tiền án phí.

- Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị K và ông Nguyễn Ngọc H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nơi nhân :**

- Các đương sự,
- VKSND huyện Cờ Đỏ,
- Chi cục THA DS huyện Cờ Đỏ,
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Phạm Quốc Kiệt**